

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ “TÀI - MỆNH” TRONG TRUYỆN KIỀU: MỘT CÁCH TIẾP CẬN DỰA TRÊN LÝ THUYẾT PHA TRỘN Ý NIỆM TRẦN THỊ THANH TRÚC*

TÓM TẮT: Nghiên cứu này phân tích mối quan hệ “tài - mệnh” trong Truyện Kiều của Nguyễn Du thông qua lăng kính của lý thuyết Pha trộn ý niệm. Thông qua việc xem xét cách thức mà Nguyễn Du đã kết hợp các không gian đầu vào của “tài” (tài năng) và “mệnh” (số mệnh) trong không gian pha trộn, nghiên cứu làm sáng tỏ cấu trúc ý nghĩa phức tạp của tác phẩm. Phân tích cho thấy mối quan hệ này không chỉ là yếu tố cốt lõi trong việc phát triển cốt truyện và nhân vật mà còn giúp phản ánh sâu sắc các quan niệm văn hóa-xã hội thời Nguyễn Du, bao gồm tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, và quan niệm về vai trò của phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nghiên cứu cũng chỉ ra cách thức mà Nguyễn Du sử dụng mối quan hệ “tài - mệnh” này để thể hiện những suy tư của mình về thân phận con người và tạo nên giá trị nghệ thuật độc đáo của tác phẩm. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm sáng tỏ những hiểu biết về chủ đề “tài - mệnh” trong Truyện Kiều mà còn mở ra một hướng tiếp cận mới trong việc phân tích văn học cổ điển Việt Nam, kết hợp giữa phân tích văn bản và lý thuyết Pha trộn ý niệm.

TỪ KHÓA: Truyện Kiều; Lý thuyết Pha trộn ý niệm; tài - mệnh; văn học cổ điển Việt Nam.

NHẬN BÀI: 10/02/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/07/2025

1. Giới thiệu

Trong văn học trung đại Việt Nam, Nguyễn Du được xem là một trong số ít các tác giả viết xuất sắc về số phận của những con người nghệ sĩ tài hoa nhưng bất hạnh. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một tác phẩm kinh điển của văn học Việt Nam, không chỉ nổi tiếng bởi cốt truyện bi thương và lối thơ lục bát tinh tế, mà còn bởi những ý nghĩa và triết lý nhân văn sâu sắc. Tác phẩm kể về cuộc đời đầy gian truân của Kiều, một người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng bị cuốn vào vòng xoáy của số phận đầy bất công. Qua *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã thể hiện một cách tinh tế và đa chiều về chủ đề “tài - mệnh” thông qua nhân vật Thúy Kiều (Phạm Đan Quế, 1999, tr.458). Mối quan hệ giữa tài năng và số mệnh trong “*Đoạn trường tân thanh*” của Nguyễn Du đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các học giả qua nhiều thập kỉ. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu bao gồm “*Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX*” của Nguyễn Lộc (1978), “*Kiều và thể loại truyện Nôm*” của Đặng Thanh Lê (1979), và “*Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*” của Phan Ngọc (2001). Gần đây hơn, Đoàn Thị Thu Vân (2015) đã đi sâu vào chủ đề này với công trình “*Nguyễn Du với thuyết tài mệnh tương đố và nỗi cô đơn của những kiếp tài hoa*”.

Khái niệm “tài” trong văn học cổ điển Việt Nam được hiểu là “Năng khiếu tự nhiên mà bất cứ một cá nhân nào cũng có thể có trong việc thực hành một nghề xác định, trong việc thực hiện một công việc nào đó, hay giải quyết những vấn đề khó trong một số tình huống nhất định” (Nguyễn Văn Dân, 2022, tr.515-516). Trong bối cảnh của *Truyện Kiều*, tài năng của Thúy Kiều được Đoàn Thị Thu Vân (2015, tr.319) định nghĩa cụ thể hơn là “tài hoa tức năng lực cảm thụ và sáng tạo cái đẹp, sáng tạo nghệ thuật”.

Bài báo này hướng đến việc phân tích mối quan hệ “tài - mệnh” trong *Truyện Kiều* thông qua lăng kính của lý thuyết Pha trộn ý niệm. Bằng cách xem xét cách thức mà Nguyễn Du đã kết hợp các không gian đầu vào của “tài” (tài năng) và “mệnh” (số mệnh) trong không gian pha trộn, nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ cấu trúc ý nghĩa phức tạp của tác phẩm. Mặc dù đã có nhiều công trình bàn về chủ đề “tài - mệnh” trong *Truyện Kiều*, vẫn còn tồn tại một khoảng trống nghiên cứu đáng kể đối với chủ đề này. Cụ thể, trong các nghiên cứu, trước đây chưa có công trình nào vận dụng lý thuyết Pha trộn ý

*Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; Email: ttttruc@hcmulaw.edu.vn

niệm để phân tích mối quan hệ này để khám phá cách mà mối quan hệ tài - mệnh phản ánh các quan niệm văn hóa-xã hội thời Nguyễn Du, bao gồm tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, và quan niệm về vai trò của phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Nghiên cứu này hướng tới việc lấp đầy khoảng trống đó bằng cách chỉ ra cách thức Nguyễn Du đã sử dụng mối quan hệ tài - mệnh để thể hiện những suy tư của mình về thân phận con người và tạo nên giá trị nghệ thuật độc đáo của tác phẩm. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ những hiểu biết về *Truyện Kiều* mà còn mở ra một hướng tiếp cận mới trong việc phân tích văn học cổ điển Việt Nam, kết hợp giữa phân tích văn bản và lý thuyết Pha trộn ý niệm. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này sẽ phân tích không gian tinh thần của yếu tố “tài - mệnh” qua hai câu thơ nổi tiếng của *Truyện Kiều*: “*Trăm năm trong cõi người ta, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*” và những câu thơ khác nữa trong tác phẩm. Các câu thơ này không chỉ là một trong những điểm nhấn của tác phẩm mà còn chứa đựng một chủ đề trọng yếu của tác phẩm: sự xung đột giữa tài năng và số mệnh. Sự tương tác giữa hai khái niệm này tưởng chừng đối lập nhưng lại hiện hữu một cách sâu sắc trong cuộc đời của Kiều, phản ánh bi kịch của những con người tài hoa bị trói buộc bởi số phận.

Trong bối cảnh của *Truyện Kiều*, lý thuyết Pha trộn ý niệm có thể giúp làm sáng tỏ cách Nguyễn Du kết hợp các yếu tố từ nhiều hệ tư tưởng và thế giới quan khác nhau như Nho giáo, Phật giáo, và các giá trị nhân sinh khác để tạo nên những pha trộn ý niệm phức tạp thể hiện sự xung đột “tài - mệnh”. Điều này giúp người đọc hiểu rõ hơn về tâm lý của nhân vật Kiều đồng thời những truyền tải thông điệp nhân văn mà Nguyễn Du gửi gắm qua tác phẩm.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu tập trung vào việc phân tích cách tác giả xây dựng các không gian pha trộn để thể hiện sự xung đột giữa tài năng và số mệnh. Qua đó, nghiên cứu không chỉ làm sáng tỏ chiều sâu triết lý nhân sinh trong tác phẩm mà còn góp phần vào việc hiểu rõ hơn những khái niệm triết học được đề cập đến trong tác phẩm. Để hiểu về cách Nguyễn Du thể hiện mối xung đột này, lý thuyết Pha trộn ý niệm (Conceptual Blending Theory) của Fauconnier được vận dụng nhằm cung cấp khung lý thuyết cho nghiên cứu này.

Lý thuyết Pha trộn ý niệm bắt nguồn từ lý thuyết Không gian tinh thần (Mental spaces theory), theo đó con người tạo ra ý nghĩa bằng cách kết hợp thông tin từ nhiều không gian tinh thần khác nhau vào một không gian pha trộn mới, nơi các yếu tố và mối quan hệ từ các không gian ban đầu được tích hợp và biến đổi. Những không gian tinh thần này có thể là những “*kịch bản nhận thức*” trừu tượng hoặc cụ thể, giúp người đọc kết nối các khái niệm tưởng chừng rời rạc.

Lý thuyết Không gian tinh thần do Gilles Fauconnier phát triển nhằm giải thích cách con người xử lý thông tin và tạo nghĩa trong giao tiếp ngôn ngữ. Lý thuyết Không gian tinh thần được giới thiệu lần đầu tiên trong công trình khoa học *Mental Spaces: Aspects of Meaning Construction in Natural Language* năm 1994 bởi Gilles Fauconnier. Nghiên cứu này đã trình bày khái niệm về không gian tinh thần và cách mà chúng được sử dụng để cấu trúc ý nghĩa trong ngôn ngữ.

Một trong những khái niệm quan trọng trong nghiên cứu của Fauconnier và Turner (1998) về *mạng lưới tích hợp ý niệm* (conceptual integration networks) là khái niệm “*blending*” - sự kết hợp các không gian ý niệm khác nhau để tạo ra những ý nghĩa mới. Sự kết hợp này xảy ra khi các yếu tố từ hai hay nhiều không gian ý niệm được chọn lọc, pha trộn và cấu trúc lại, hình thành những cấu trúc nhận thức mới không hoàn toàn giống với bất kỳ không gian ý niệm gốc nào.

Tiếp đó, các tác giả đã mở rộng các nghiên cứu của mình trong *The Way We Think: Conceptual Blending and the Mind's Hidden Complexities* (2002), một công trình khác do Fauconnier và Turner thực hiện. Đây cũng là công trình đầu tiên giới thiệu lý thuyết Pha trộn ý niệm hay còn gọi là Lý thuyết tích hợp ý niệm (Conceptual Integration Theory). Công trình này đã phát triển các khái niệm và khung lý thuyết liên quan đến pha trộn, cũng như đã đóng vai trò quan trọng trong các nghiên cứu về ngôn ngữ và nhận thức. Đây cũng là cơ sở lý thuyết nền tảng được vận dụng trong nghiên cứu này.

Theo Fauconnier và Turner (2002), không gian tinh thần là những không gian nhận thức tạm thời được kích hoạt khi chúng ta lắng nghe, đọc hiểu hoặc tham gia vào quá trình giao tiếp. Các không

gian này chứa các đối tượng, khái niệm và mối quan hệ mà người nói và người nghe cùng chia sẻ trong một ngữ cảnh nhất định.

Không gian đầu vào (input spaces): Đây là các không gian cơ bản, nơi các đối tượng và ý tưởng được lấy từ kinh nghiệm đời sống thực hoặc các mô hình ý niệm.

Không gian pha trộn (blended space): Khi hai hoặc nhiều không gian đầu vào tương tác với nhau, chúng tạo ra một không gian pha trộn, nơi thông tin từ các không gian đầu vào được kết hợp và sáng tạo ra các ý nghĩa mới.

Ánh xạ giữa các không gian: Quá trình ánh xạ (mapping) liên kết các yếu tố tương tự hoặc khác biệt từ các không gian đầu vào với nhau, từ đó hình thành không gian pha trộn. Các ánh xạ này thường là những tương đồng ẩn hoặc trừu tượng mà chúng ta dễ dàng hiểu theo cách tự nhiên.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích văn bản là một trong những phương pháp chính trong nghiên cứu ngữ văn và văn học. Với mục tiêu phân tích không gian tinh thần “tài - mệnh” được xây dựng trong *Truyện Kiều*, phương pháp phân tích văn bản sẽ tập trung vào việc: phân tích ngữ nghĩa để xác định ý nghĩa ngôn ngữ và triết lý trong câu thơ, từ đó khám phá các lớp ý nghĩa ẩn chứa thông qua các từ ngữ như “tài” và “mệnh”. Phương pháp này không chỉ giúp tiếp cận câu thơ trên bề mặt ngữ nghĩa mà còn đào sâu vào các cấu trúc triết lý và ngữ cảnh xã hội, văn hóa của thời kì Nguyễn Du sống và sáng tác. Ngoài Phương pháp phân tích văn bản, nghiên cứu cũng đề xuất khung phân tích dựa trên lý thuyết Pha trộn ý niệm, nhằm xây dựng mô hình ý niệm của cặp phạm trù “tài” và “mệnh” trong tác phẩm.

Khung phân tích: dựa trên lý thuyết Pha trộn ý niệm của Fauconnier và Turner (2002) sẽ được áp dụng để phân tích các không gian nhận thức và ánh xạ giữa các không gian trong câu thơ (xem Hình 1). Theo Calderón Quindós (2005), lý thuyết này được các học giả vận dụng khá nhiều trong phân tích thơ ca và văn học trên thế giới. Quy trình phân tích bao gồm các bước sau:

- Xác định các không gian đầu vào:

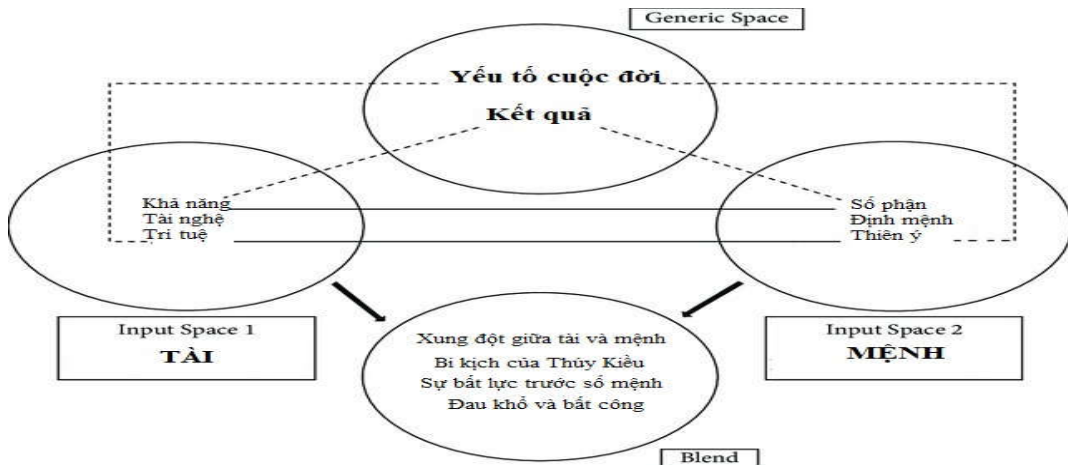
Không gian “tài”: Đây là không gian chứa ý niệm về tài năng, đại diện cho những khả năng, phẩm chất nổi bật của con người như trí tuệ, nghệ thuật, và sự tinh thông.

Không gian “mệnh”: Không gian này chứa đựng ý niệm về số mệnh, đại diện cho yếu tố ngoài tầm kiểm soát của con người, như định mệnh, thiên ý, và số phận.

- Phân tích cấu trúc ánh xạ: Ánh xạ từ miền nguồn (tài năng và số mệnh) sang miền đích (cuộc đời con người): Từ những ý niệm cụ thể như tài năng và số mệnh, Nguyễn Du đã tạo ra một thế giới nhận thức nơi tài năng và số mệnh tương tác với nhau và ảnh hưởng đến cuộc đời của Kiều.

- Phân tích không gian pha trộn: Không gian pha trộn được tạo ra khi hai ý niệm “tài” và “mệnh” tương tác và nhân cách hóa, tạo nên một sự xung đột. Sự xung đột này chính là trọng tâm triết lý của câu thơ, nơi tài năng và số mệnh không thể hòa hợp mà luôn chống lại nhau, đẩy nhân vật vào bi kịch.

- Xác định cấu trúc mới nổi trong không gian pha trộn: Ý niệm về sự xung đột giữa tài năng và số mệnh được thể hiện rõ rệt trong câu thơ, tạo ra một không gian căng thẳng, nơi tài năng của Kiều không thể thắng nổi sức mạnh của số mệnh, từ đó dẫn đến sự thất bại của Kiều trong việc đạt được hạnh phúc và tự do.



Hình 1. Mô hình Pha trộn ý niệm “Tài - Mệnh” trong *Truyện Kiều*

Chú thích hình:

- Generic Space: không gian chung thể hiện yếu tố cuộc đời và kết quả chung.
- Input Space 1 (Tài): Không gian đầu vào 1 (Tài) bao gồm khả năng, tài nghệ, trí tuệ.
- Input Space 2 (Mệnh): Không gian đầu vào 2 (Mệnh) bao gồm số phận, định mệnh, thiên ý.
- Blend: Không gian hòa trộn thể hiện xung đột giữa tài và mệnh, bi kịch của Kiều, sự bất lực trước số mệnh, sự đau khổ và bất công.

Hình 1 minh họa cách hai ý niệm “tài” và “mệnh” được tích hợp để tạo ra ý nghĩa mới trong không gian pha trộn. Trong không gian chung, chúng ta thấy ý niệm tổng quát về yếu tố cuộc đời và kết quả chung. Điều này phản ánh ý nghĩa tổng thể của câu thơ “*Trăm năm trong cõi người ta, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*”, nơi cuộc đời con người được định hình bởi nhiều yếu tố. Không gian đầu vào 1 (tài) thể hiện các khía cạnh của tài năng như được ám chỉ trong “chữ tài”, bao gồm khả năng, tài nghệ và trí tuệ. Không gian đầu vào 2 (mệnh) đại diện cho các yếu tố của số phận như được gợi ý trong “chữ mệnh”, bao gồm số phận, định mệnh và thiên ý.

Sự tương tác giữa hai không gian này trong không gian pha trộn tạo ra xung đột, như được thể hiện qua cụm từ “*khéo là ghét nhau*”. Kết quả là bi kịch của Kiều, sự bất lực trước số mệnh, và trải nghiệm về đau khổ và bất công - tất cả đều là chủ đề trung tâm trong *Truyện Kiều*.

Mô hình này cho phép chúng ta hiểu rõ hơn về cách Nguyễn Du đã khéo léo kết hợp các khái niệm trừu tượng về tài năng và số phận để tạo ra một cặp phạm trù đối lập mạnh mẽ về cuộc đời con người. Nó cũng minh họa cách mà hai câu thơ ngắn gọn này đã phản ánh bản chất của toàn bộ tác phẩm, thể hiện sự xung đột không thể tránh khỏi giữa tài năng cá nhân và những ràng buộc của số phận trong xã hội. Khung phân tích của Lý thuyết Pha trộn ý niệm sẽ giúp làm rõ cách tác giả miêu tả sự xung đột giữa tài năng và số mệnh, đồng thời mở rộng ra thành một hệ thống tư duy triết lý về cuộc đời và số phận của con người trong xã hội phong kiến.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích “tài - mệnh” theo lý thuyết Pha trộn ý niệm

Lý thuyết Pha trộn ý niệm thể hiện ở việc hình thành các không gian đầu vào và sau đó kết hợp, pha trộn những yếu tố từ các không gian này để tạo ra một không gian mới với nghĩa phức tạp hơn.

Không gian tài năng: Tài năng (chữ tài) đại diện cho những phẩm chất cá nhân vượt trội, khả năng thiên bẩm hoặc học hỏi được. Trong không gian này, tài năng là những yếu tố tích cực, gắn liền với thành công, sự nổi bật và khát khao khẳng định bản thân.

Không gian số mệnh: Số mệnh (chữ mệnh) liên quan đến định mệnh, yếu tố vượt khỏi tầm kiểm soát của con người. Nó có thể đại diện cho những rào cản hoặc yếu tố ngoài ý muốn, không thể thay đổi được, và thường mang ý nghĩa tiêu cực về sự không chắc chắn, thất bại, hoặc rủi ro.

Trong không gian pha trộn, sự tương tác giữa các yếu tố từ không gian đầu vào tạo ra những ý nghĩa và mối quan hệ mới, vốn không tồn tại trong các không gian riêng lẻ. Những ý nghĩa và mối quan hệ này được gọi là “cấu trúc mới nổi” (emergent structure). Khái niệm này là một trong những đóng góp quan trọng của lý thuyết Pha trộn ý niệm trong việc giải thích cách thức hình thành ý nghĩa mới từ sự kết hợp các ý niệm. Trong trường hợp của “tài - mệnh”, có hai đặc tính mới đáng chú ý:

Thứ nhất, ý niệm “tài” và “mệnh” trong không gian pha trộn được nâng lên thành biểu tượng, vượt ra ngoài ý nghĩa đơn thuần ban đầu. “Tài” không chỉ đơn giản là khả năng hay năng lực, mà trở thành biểu tượng cho khát vọng, ý chí và nỗ lực của con người. Tương tự, “mệnh” vượt qua định nghĩa về số phận hay định mệnh, trở thành biểu tượng cho những lực lượng khách quan, những giới hạn và thách thức mà con người phải đối mặt trong cuộc sống.

Thứ hai, mối quan hệ giữa “tài” và “mệnh” trong không gian pha trộn trở nên đa chiều và phức tạp hơn. Thay vì chỉ là mối quan hệ đối lập đơn thuần, “tài” và “mệnh” tương tác theo nhiều cách khác nhau. Có lúc chúng xung đột, có lúc hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên một bức tranh phức tạp về cuộc đấu tranh của con người với hoàn cảnh. Điều này phản ánh thực tế cuộc sống, nơi ranh giới giữa khả năng cá nhân và những yếu tố ngoại cảnh thường không rõ ràng và luôn biến đổi.

Những cấu trúc mới nổi này góp phần làm cho cặp phạm trù “tài - mệnh” trở nên phong phú và rõ nét hơn, vượt ra ngoài ý nghĩa ban đầu của từng thành tố. Chúng tạo nên một khung nhìn mới về mối quan hệ giữa con người và thế giới xung quanh, đồng thời mở ra những khả năng diễn giải mới về ý nghĩa của cuộc sống và sự tồn tại của con người. Trong tổng thể, không gian pha trộn giữa “chữ tài” và “chữ mệnh” là sự kết hợp phức tạp giữa hai khái niệm vừa đối lập vừa tương tác, tạo nên một cảm nhận cụ thể về mối quan hệ giữa năng lực cá nhân và số phận không thể kiểm soát.

4.2. Một số ví dụ minh họa cho yếu tố “tài - mệnh” trong *Truyện Kiều*

Mối quan hệ giữa “tài” và “mệnh” là một chủ đề xuyên suốt trong *Truyện Kiều*, được Nguyễn Du thể hiện qua nhiều câu thơ và tình huống khác nhau. Những ví dụ này không chỉ minh họa cho cách tác giả sử dụng cặp ý niệm này để phát triển cốt truyện và nhân vật, mà còn phản ánh quan niệm về số phận và tài năng trong xã hội đương thời. Thông qua việc phân tích các ví dụ cụ thể, có thể thấy rõ hơn cách Nguyễn Du xây dựng không gian pha trộn giữa “tài” và “mệnh”, tạo nên một cấu trúc ý nghĩa phức tạp và đa chiều, minh họa cho sự xung đột, đối lập, và đan xen giữa tài năng và số mệnh, đồng thời làm nổi bật bi kịch của Kiều nói riêng và con người nói chung khi đối mặt với những thách thức của cuộc đời.

“Trăm năm trong cõi người ta,/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.” (Câu 1-2)

Hai câu thơ là những câu mở đầu quan trọng của *Truyện Kiều*. Vị trí đặc biệt này có ý nghĩa trong việc định hình toàn bộ tác phẩm. Trước hết, nó đặt nền móng cho chủ đề chính xuyên suốt câu chuyện - mối quan hệ phức tạp và đầy mâu thuẫn giữa tài năng và số mệnh. Đồng thời, hai câu thơ khái quát ý nghĩa triết học và nhân sinh trong tác phẩm. Qua đó độc giả có thể phần nào hình dung và diễn giải các sự kiện sẽ diễn ra trong cuộc đời Kiều. Hơn nữa, việc đặt ra những suy tư này ngay từ đầu tác phẩm cho thấy quan điểm của Nguyễn Du về quy luật của cuộc sống và số phận con người, hình thành nên một lăng kính nhìn nhận toàn bộ câu chuyện sắp được kể. “Chữ tài” đại diện cho năng lực, tài năng và phẩm chất cá nhân. Nó bao gồm trí tuệ, kỹ năng, và những đặc điểm độc đáo khác của mỗi người. Trong trường hợp của Kiều, đó là “*tài sắc vẹn toàn*” - vừa có nhan sắc, vừa có tài năng nghệ thuật. “Chữ mệnh” tượng trưng cho số phận, định mệnh, những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của cá nhân. Nó bao gồm hoàn cảnh xuất thân, những biến cố xảy ra trong đời, và các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống.

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,/ Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Thiện căn ở tại lòng ta,/ Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.” (Câu 3249-3252)

Các câu thơ này, dù không trực tiếp nêu lên sự đối lập giữa “tài” và “mệnh”, nhưng góp phần làm rõ bi kịch tài-mệnh trong *Truyện Kiều* qua cách nhìn về nghiệp phận. Câu “*Đã mang lấy nghiệp vào thân*” gợi ra rằng số phận là thứ gì đó đã định sẵn, một điều không thể tránh khỏi. Điều này đối lập với tài năng vốn là điều tích cực, chủ động mà con người có thể có.

Đặc biệt, khi tác giả nhấn mạnh “*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*”, có thể hiểu đây như một lời giải thích cho những éo le của số phận: dù có tài năng đến đâu (như Kiều) thì vẫn phải chịu sự chi phối của nghiệp quả. Việc đề cao “tâm” hơn “tài” cho thấy trong thế giới của Truyện Kiều, tài năng không phải yếu tố quyết định số phận con người.

Như vậy, đoạn thơ này góp phần làm rõ thêm mối quan hệ phức tạp giữa tài năng và số phận: con người dù có tài giỏi đến đâu vẫn phải chấp nhận và đối diện với những nghiệp quả mang tính định mệnh của mình. Đây chính là một khía cạnh của bi kịch tài-mệnh mà Kiều phải trải qua.

“*Chữ tài liền với chữ tai một vần.*” (Câu 3248)

“Tài” và “tai” (tai họa) là hai từ đồng âm xuất hiện trong câu thơ này, qua đó trực tiếp nói về mối quan hệ nghịch lý giữa tài năng và tai họa. Và số mệnh thường bắt người tài phải chịu đựng những tai họa lớn. Kiều, dù có tài sắc, nhưng cuộc đời lại phải trải qua nhiều đau khổ, bị đẩy vào những hoàn cảnh bi kịch.

“*Lạ gì bỉ sắc tư phong, / Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*” (Câu 5-6)

“*Đau đớn thay phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*” (Câu 243-244)

Nhìn từ góc độ tài - mệnh trong Truyện Kiều, hai đoạn thơ “*Lạ gì bỉ sắc tư phong, Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*” và “*Đau đớn thay phận đàn bà - Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*” đều thể hiện mối quan hệ đối lập giữa tài năng và số mệnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Cả hai đoạn đều sử dụng nghệ thuật ẩn dụ qua các hình ảnh “*trời xanh*”, “*má hồng*”, “*bạc mệnh*” với lời thơ than thở, đau xót để làm nổi bật bi kịch của người phụ nữ tài sắc. Nếu như câu “*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*” dùng hình ảnh nhân hóa để thể hiện sự ghen ghét của tạo hóa với người con gái có tài sắc, thì “*Đau đớn thay phận đàn bà*” lại trực tiếp bày tỏ nỗi đau, thân phận bất hạnh của Kiều nói riêng và người phụ nữ nói chung. Cả hai trích đoạn đều khẳng định một quy luật khắc nghiệt của xã hội phong kiến: càng tài sắc thì số phận càng bất hạnh, từ đó phê phán sự bất công của xã hội đương thời với người phụ nữ và thể hiện quan niệm tài mệnh tương đo đặc trưng trong văn học trung đại.

“*Ngẫm hay muôn sự tại trời, / Trời kia đã bắt làm người có thân*

Bất phong trần phải phong trần / Cho thanh cao mới được phần thanh cao.” (Câu 3241-3244)

“*Cũng liều nhắm mắt đưa chân, / Mà xem con Tạo xoay vần đến đâu!*” (1273-1274)

Hai đoạn thơ trên thể hiện quan niệm của con người về số phận trong Truyện Kiều và thái độ của họ khi đối diện với số phận. Đoạn thơ “*Ngẫm hay muôn sự tại trời*” là lời của Kiều sau khi trải qua những thăng trầm của cuộc đời, thể hiện sự chấp nhận và quy phục trước số phận. Từ “*ngẫm hay*” cho thấy đây là kết quả của một quá trình trải nghiệm và chiêm nghiệm sâu sắc, để nhận ra rằng mọi việc đều do “*trời*” an bài, con người không thể tự quyết định số phận của mình. Điều này được nhấn mạnh qua sự lặp lại từ “*trời*” và cấu trúc “*bất... phải*” khẳng định tính tất yếu của số phận. Trong khi đó, câu thơ “*Cũng liều nhắm mắt đưa chân*” là lời của Kiều khi bước vào chốn lầu xanh, thể hiện thái độ liều lĩnh, buông xuôi trước số phận. Từ “*cũng liều*” và hình ảnh “*nhắm mắt đưa chân*” cho thấy sự bất lực, đành chấp nhận để mặc cho số phận đưa đẩy, thể hiện qua hình ảnh “*con Tạo xoay vần*”. Cả hai đoạn thơ đều phản ánh quan niệm về sự chi phối mạnh mẽ của số phận đối với con người trong xã hội phong kiến, tuy nhiên ở giai đoạn đầu là sự buông xuôi còn ở cuối cùng là sự chấp nhận một cách thấu hiểu và bình thản hơn.

4.3. Việc thiết lập chủ đề và cách thức phát triển cốt truyện, nhân vật trong tác phẩm

Không gian “chữ tài chữ mệnh” được sử dụng xuyên suốt *Truyện Kiều* để khắc họa hai chủ đề trung tâm của tác phẩm: *định mệnh - nghiệp quả* và chủ đề *đề tài năng - bất hạnh*. Đây là hai chủ đề chính khắc họa sự xung đột giữa tài năng và số mệnh, đồng thời phản ánh bi kịch của con người trước những sức mạnh vô hình mà họ không thể kiểm soát. Nguyễn Du sử dụng không gian tinh thần “tài - mệnh” để diễn tả sự bất lực của con người trước số phận. Những nhân vật như Kiều dù tài năng xuất chúng nhưng lại không thể thoát khỏi cái gọi là “mệnh”. Chủ đề về số phận không chỉ làm nổi bật bi kịch của Kiều, mà còn phản ánh triết lý về luân hồi, nhân quả mà tác giả muốn truyền tải. Ngoài ra, Nguyễn Du thể hiện rõ sự bất công của số phận qua câu nói “*Chữ tài liền với chữ tai một vần*”.

Tài năng và tai họa dường như luôn đi đôi với nhau trong cuộc đời những con người như Kiều, và đây là một trong những chủ đề lớn của tác phẩm.

Không gian “tài - mệnh” không chỉ hỗ trợ việc thiết lập chủ đề mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách tác giả phát triển cốt truyện và xây dựng nhân vật. Xuyên suốt tác phẩm, câu chuyện của Kiều được phát triển dựa trên sự xung đột liên tục giữa tài năng của nàng và số phận nghiệt ngã. Mỗi bước phát triển trong cốt truyện là sự minh chứng cho việc số mệnh chi phối, phá vỡ những khát vọng cá nhân của Kiều. Không gian này giúp Nguyễn Du xây dựng nên những nhân vật có chiều sâu. Kiều không chỉ là một nhân vật đơn thuần mà trở thành biểu tượng cho sự xung đột giữa con người và số phận. Nhân vật của Kiều được thể hiện không chỉ qua những hành động và lời nói, mà còn qua những đấu tranh nội tâm sâu sắc giữa việc cố gắng thoát khỏi số phận hay là chấp nhận nó.

Không gian pha trộn “tài - mệnh” trong *Truyện Kiều* không chỉ giúp phát triển cốt truyện và nhân vật mà còn tạo nên những cảm xúc sâu sắc và ảnh hưởng đến nhận thức của độc giả. Thông qua không gian tinh thần này, độc giả cảm nhận rõ nét sự bất lực của con người trước những thế lực vô hình. Kiều tài sắc nhưng lại liên tục gặp bi kịch, và điều này gợi lên trong lòng độc giả cảm giác tiếc nuối, đau xót cho nàng, từ đó làm nổi bật lên tầm ảnh hưởng của định mệnh đối với cuộc đời con người. Sự đối lập giữa tài năng và số mệnh khiến độc giả suy ngẫm về chính cuộc đời mình. Chính vì lẽ đó, *Truyện Kiều* đã trở thành một tấm gương phản ánh triết lý nhân sinh: liệu con người có thể tự quyết định cuộc đời mình hay luôn bị chi phối bởi một số mệnh đã định sẵn? Những câu hỏi này đã khiến tác phẩm có giá trị vượt thời gian, tạo ra sự đồng cảm và suy ngẫm lâu dài trong lòng người đọc. Không gian tinh thần tài - mệnh này làm nổi bật sự đối lập giữa khát vọng và hiện thực, giữa tài năng và sự vô vọng. Độc giả dễ dàng cảm nhận được nỗi đau mà Kiều phải chịu đựng khi số phận liên tục đẩy nàng vào những hoàn cảnh bi thảm, từ đó tạo nên lòng thương cảm sâu sắc nơi độc giả.

5. Thảo luận

5.1. Phân tích cấu trúc và ý nghĩa của mối quan hệ “tài - mệnh” trong *Truyện Kiều*

Nguyễn Du sử dụng khái niệm “chữ tài chữ mệnh” trong *Truyện Kiều* để diễn tả những khía cạnh phức tạp của cuộc sống và số phận con người. Cặp phạm trù này đặc biệt nổi bật, thể hiện sự xung đột giữa tài năng cá nhân và những yếu tố ngoại cảnh, một chủ đề lớn trong tác phẩm. Qua cách sử dụng này, Nguyễn Du đã không chỉ khắc họa bi kịch của Kiều, mà còn phản ánh triết lý nhân sinh sâu sắc, rằng con người không thể thoát khỏi sự chi phối của số mệnh dù có tài năng đến đâu.

Thông qua mối quan hệ giữa tài và mệnh, độc giả cảm nhận sâu sắc sự bất công, bất lực của con người trước những điều không thể kiểm soát, từ đó gợi lên cảm xúc đồng cảm và thương xót cho Kiều. Ngoài ra, cách mà Nguyễn Du xây dựng mối quan hệ giữa tài năng và số mệnh thể hiện tính đa tầng, đa nghĩa của ngôn ngữ. Các khái niệm trừu tượng được cụ thể hóa, giúp độc giả tiếp cận và hiểu sâu hơn tư tưởng triết lý của tác giả qua những hình ảnh và tình huống cụ thể trong tác phẩm.

Cách sử dụng cặp phạm trù tài - mệnh trong *Truyện Kiều* mang tính độc đáo và sâu sắc. So với tác phẩm của Shakespeare, trong các vở kịch như *Hamlet* hay *Romeo and Juliet*, các cặp phạm trù đối lập tương tự thường được sử dụng để mô tả cảm xúc con người, đặc biệt là tình yêu, sự đấu tranh nội tâm và cái chết. Tuy nhiên, cách thể hiện trong *Truyện Kiều* mang tính xã hội và triết học rõ nét hơn, đi sâu vào sự tương tác giữa con người và số phận, và đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập cốt truyện và triết lý nhân sinh của tác phẩm.

Trong các tác phẩm văn học hiện đại như *The Great Gatsby* của F. Scott Fitzgerald, cặp phạm trù về giấc mơ và thực tế cũng được sử dụng để thể hiện sự vô nghĩa của giấc mơ Mỹ, sự đối lập giữa các giá trị thực và ảo trong xã hội Mỹ hiện đại. Cũng giống như trong *Truyện Kiều*, cặp phạm trù tài - mệnh thể hiện sự bất lực của con người trước những lí tưởng mà họ không bao giờ có thể đạt tới. Tuy nhiên, có thể thấy trong *Truyện Kiều*, sự xung đột giữa tài năng và số mệnh có tính cụ thể và mạnh mẽ, sâu sắc hơn.

5.2. *Mối quan hệ “tài - mệnh” trong Truyện Kiều phản ánh các quan niệm văn hóa-xã hội thời Nguyễn Du*

Quan niệm về tài năng và số mệnh trong *Truyện Kiều* phản ánh rõ nét tư tưởng Nho giáo vốn có ảnh hưởng mạnh mẽ trong xã hội Việt Nam thời phong kiến. Nho giáo đề cao trật tự xã hội, đạo đức và sự tuân thủ số mệnh do trời định. Ý niệm “thiên mệnh” trong Nho giáo cho rằng cuộc đời con người đã được định sẵn, và con người nhỏ bé không thể thoát khỏi những gì số mệnh đã an bài. Trong *Truyện Kiều*, điều này được thể hiện qua số phận của Kiều - một con người tài năng và đức hạnh nhưng không thể tự quyết định cuộc đời mình. Cặp phạm trù “tài - mệnh” trong tác phẩm có thể được xem như một biểu hiện văn học của quan niệm này, phản ánh sự chấp nhận và đấu tranh của con người trước những gì được cho là sự sắp đặt của thiên ý.

Bên cạnh ảnh hưởng của Nho giáo, cách Nguyễn Du xây dựng mối quan hệ giữa tài năng và số mệnh cũng phản ánh quan niệm Phật giáo về luân hồi và nghiệp báo. Theo Phật giáo, những gì con người phải chịu đựng trong kiếp này là kết quả của nghiệp báo từ những hành động trong các kiếp trước. Số phận bi thảm của Kiều có thể được nhìn nhận qua lăng kính này - những khổ đau nàng phải chịu đựng được giải thích là kết quả của nghiệp. Cách Nguyễn Du xây dựng mối quan hệ giữa tài năng và số mệnh có thể được hiểu như một cách thể hiện quan điểm về nghiệp quả: dù có tài năng hay đức hạnh, con người vẫn không thể tránh khỏi những gì đã được định sẵn từ trước. Điều này không chỉ phản ánh tư tưởng Phật giáo mà còn thể hiện sự giao thoa giữa các hệ tư tưởng trong văn hóa Việt Nam thời bấy giờ.

Cuối cùng, cách Nguyễn Du xây dựng mối quan hệ giữa tài năng và số mệnh trong *Truyện Kiều* cũng phản ánh quan niệm về vai trò của phụ nữ trong xã hội phong kiến Việt Nam. Trong bối cảnh này, vai trò của người phụ nữ thường bị giới hạn bởi các định kiến xã hội và gánh nặng gia đình. Những người phụ nữ tài sắc vẹn toàn như Kiều, được xem là “hồng nhan bạc phận”, thường phải chịu đựng sự ganh ghét và những bất công của xã hội. Qua cách xây dựng mối quan hệ giữa tài năng và số mệnh của Kiều, Nguyễn Du không chỉ phản ánh bi kịch cá nhân mà còn nêu bật số phận chung của phụ nữ trong xã hội đương thời. Dù có tài năng, họ vẫn bị ràng buộc bởi các định kiến và áp lực xã hội, và kết cục thường là bất hạnh và khổ đau. Điều này cho thấy Nguyễn Du không chỉ là một nghệ sĩ tài hoa mà còn là một nhà quan sát sắc sảo về xã hội đương thời.

Nhìn chung, nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào cặp phạm trù “tài - mệnh” trong *Truyện Kiều* và cách chúng góp phần vào cấu trúc ngữ nghĩa của tác phẩm. Tuy nhiên, do phạm vi giới hạn của bài báo, nhiều khía cạnh khác trong tác phẩm chưa được phân tích cụ thể, chưa phản ánh toàn diện cách người đọc cảm nhận tác phẩm theo nhiều góc nhìn văn hóa khác nhau. Nghiên cứu trong tương lai có thể tập trung vào việc kết hợp các phương pháp liên ngành, đặc biệt là sự tích hợp giữa ngôn ngữ học tri nhận và các lý thuyết khác để xây dựng một khung phân tích toàn diện hơn. Ngoài ra, nghiên cứu có thể mở rộng để so sánh việc sử dụng các ý niệm tương tự trong *Truyện Kiều* với các tác phẩm văn học Việt Nam cùng thời hoặc khác thời, nhằm tìm hiểu sâu hơn về cách chúng phản ánh các giá trị văn hóa và xã hội. Cuối cùng, việc áp dụng các lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại như Conceptual Mapping Theory trong phân tích có thể giúp làm rõ hơn mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy trong *Truyện Kiều* và các tác phẩm văn học khác.

6. Kết luận

Nghiên cứu này sử dụng lý thuyết Pha trộn ý niệm để phân tích mối quan hệ “tài - mệnh” trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Qua việc xem xét cách mà các không gian đầu vào của “tài” và “mệnh” được kết hợp trong không gian pha trộn, chúng ta thấy được sự tinh tế trong cách Nguyễn Du xây dựng nên một cấu trúc ý nghĩa phức tạp, phản ánh sâu sắc triết lý nhân sinh và bối cảnh văn hóa-xã hội đương thời. Lý thuyết pha trộn ý niệm đã giúp làm sáng tỏ cách mà các yếu tố từ tư tưởng Nho giáo, Phật giáo và quan niệm xã hội về vai trò của phụ nữ được tích hợp vào tác phẩm thông qua mối quan hệ “tài - mệnh”.

Mặc dù chỉ tập trung phân tích một khía cạnh của tác phẩm, nghiên cứu này đã mở ra một hướng tiếp cận mới trong việc phân tích văn học cổ điển Việt Nam. Theo đó, việc áp dụng lý thuyết pha trộn

ý niệm để so sánh cách thể hiện mối quan hệ của các cặp phạm trù đối lập khác trong *Truyện Kiều* và các tác phẩm văn học khác có thể giúp hiểu rõ hơn về sự phát triển của nghệ thuật và tư tưởng văn học Việt Nam qua các thời kì. Điều này không chỉ góp phần làm phong phú thêm các nghiên cứu về văn học cổ điển mà còn cung cấp cái nhìn mới về cách các khái niệm văn hóa-xã hội được thể hiện trong văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đặng Thanh Lê (1979), *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm*. Hà Nội. Nxb Khoa học Xã hội.
2. Đoàn Thị Thu Vân (2015), Nguyễn Du với triết lí tài mệnh tương đố và nỗi cô đơn của những kiếp tài hoa. Trong Đoàn Lê Giang & Huỳnh Như Phương (tuyển chọn), *Đại thi hào dân tộc danh nhân văn hóa Nguyễn Du, Kỉ yếu Hội thảo khoa học Kỉ niệm 250 năm sinh Nguyễn Du* (tr.318-326). Thành phố Hồ Chí Minh. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
3. Nguyễn Lộc (1978), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX, tập II*. Hà Nội. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
4. Nguyễn Văn Dân (2022), *Từ điển mỹ học*. Hà Nội. Nxb Hội Nhà Văn.
5. Phạm Đan Quế (1999), *Truyện Kiều đối chiếu*. Hải Phòng. Nxb Hải Phòng.
6. Phan Ngọc (2001), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*. Hà Nội. Nxb Thanh niên.

Tiếng Anh

7. Calderón Quindós, M. T. (2005), Blending as a theoretical tool for poetic analysis: Presenting an integrational methodology. *Annual Review of Cognitive Linguistics*, 3(1), 269–299.
8. Fauconnier, G. (1994), *Mental spaces: Aspects of meaning construction in natural language*. Cambridge University Press.
9. Fauconnier, G., & Turner, M. (1998), Conceptual integration networks. *Cognitive Science*, 22(2), 133–187. https://doi.org/10.1207/s15516709cog2202_1.
10. Fauconnier, G., & Turner, M. (2002), *The way we think: Conceptual blending and the mind's hidden complexities*. Basic Books.

‘Talent’ and ‘Fate’ in The Tale of Kieu: A conceptual blending approach

Abstract: This study analyzes the “talent - fate” relationship in Nguyen Du's The Tale of Kieu through the lens of conceptual blending theory. By examining how Nguyen Du combines the input spaces of “talent” and “fate” in the blended space, the research illuminates the complex meaning structure of the work. The analysis shows that this relationship is not only a core element in plot and character development but also profoundly reflects the cultural-social concepts of Nguyen Du's time, including Confucian and Buddhist thoughts, and the perception of women's roles in feudal society. The study also points out how Nguyen Du uses this relationship to express reflections on the human condition and create the unique artistic value of the work. The research results not only contribute to deepening the understanding of The Tale of Kieu but also open up a new approach to analyzing classical Vietnamese literature, combining textual analysis with Conceptual blending theory.

Key words: The Tale of Kieu; Conceptual Blending Theory; talent and fate; classical Vietnamese literature.